

Bản án số: 82/2020/HS-PT
Ngày: 28 - 9 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tiến

Các Thẩm phán: Ông Võ Hoàng Khải

Ông Hồ Văn Luông

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Hà, bà Huỳnh Kim Thu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24, 25 và 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 43/2020/TLPT-HS ngày 07 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo Huỳnh Trung K và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2020/HS-ST ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã 3, tỉnh Hậu Giang.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Huỳnh Trung K, sinh năm: 1986; Tên gọi khác: V K; Nơi sinh: Tỉnh Hậu Giang; Nơi thường trú: Ấp 1, xã 2, thị xã 3, tỉnh Hậu Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Q2 tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Văn Đ (chết) và bà Mai Ngọc L; Có vợ Lê Thị Hồng T, có 01 người con sinh năm 2014; Tiền sự: Ngày 14/8/2017 bị Công an tỉnh Hậu Giang xử phạt số tiền 7.500.000 đồng về hành vi tổ chức hoạt động đá gà ăn thua bằng tiền theo Quyết định xử phạt số 221/QĐ-XPHC, bị cáo chưa chấp hành nộp phạt; Tiền án: Không; Ngày 08/8/2019 bị cáo ra đầu thú và bị tạm giữ, đến ngày 11/8/2019 chuyển tạm giam cho đến nay. Có mặt.

2. Nguyễn Văn N, sinh năm: 1974; Tên gọi khác: N M; Nơi sinh: Tỉnh Hậu Giang; Nơi thường trú: Khu vực 1, phường 2, thị xã 3, tỉnh Hậu Giang; Nghề

nghề: Mua bán; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Q2 tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn C (chết) và bà Nguyễn Thị Q; Có 02 người con (Lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm: 2008); Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 19/01/2019 cho đến ngày 03/7/2019 TAND thị xã 3 thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp cho gia đình bảo lãnh. Ngày 09/01/2020, bị bắt tạm giam cho đến nay. Có mặt.

3. Nguyễn Thanh Q, sinh năm: 1981; Tên gọi khác: Q M; Nơi sinh: Tỉnh Hậu Giang; Nơi thường trú: Khu vực 1, phường 2, thị xã 3, tỉnh Hậu Giang; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Q2 tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Kim T; Có vợ Nguyễn Thị Thùy T; Có 01 người con sinh năm 2002; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

4. Phạm Quốc K, sinh năm: 1982; Tên gọi khác: Bé Bàu; Nơi sinh: Tỉnh Hậu Giang; Nơi thường trú: Khu vực 1, phường 2, thị xã 3, tỉnh Hậu Giang; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Q2 tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Thanh P và bà Nguyễn Thị X; Có vợ Nguyễn Thị Kim L; Có 02 người con (Lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2020); Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 03/10/2018 đến ngày 11/10/2018 chuyển tạm giam, đến ngày 01/02/2019 thay đổi biện pháp tạm giam bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

5. Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1988; Tên gọi khác: Bộ Đội; Nơi sinh: Tỉnh Hậu Giang; Nơi thường trú: Khu vực 1, phường 2, thị xã 3, tỉnh Hậu Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê (Trước khi bị bắt là Đảng viên ĐCS Việt Nam, bị xử lý kỷ luật theo Quyết định số 99/-QĐ/UBKTTU ngày 28/11/2019); Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Tin Lành; Q2 tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thanh H và bà Lê Thị Mỹ T; Có vợ Nguyễn Hồng C; Có 01 người con sinh năm 2015; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 12/11/2018 cho đến ngày 10/4/2019 thay đổi biện pháp tạm giam bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; Ngày 11/02/2020 bị cáo bị bắt tạm giam cho đến nay. Có mặt.

6. Lê Văn N1, sinh năm: 1971; Tên gọi khác: Không có; Nơi sinh: Tỉnh Hậu Giang; Nơi thường trú: Ấp 1, xã 2, thị xã 3, tỉnh Hậu Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Q2 tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn H và bà Trần Thị N; Có vợ Lê Thị T; Có 02 người con (Lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 2002); Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

7. Nguyễn Duy P, sinh năm: 1976; Tên gọi khác: P Đại Gia; Nơi sinh: Tỉnh Sóc Trăng; Nơi thường trú: Khu vực 1, phường 2, thị xã 3, tỉnh Hậu Giang; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Q2 tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T (chết) và bà Phan Thị K; Có vợ Trần Thị T; Có 01 người con sinh năm 1998; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 18/01/2019 cho đến ngày 01/02/2019; Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

8. Lâm Văn T, sinh năm: 1972; Tên gọi khác: 4 T; Nơi sinh: Tỉnh Trà Vinh; Nơi thường trú: Ấp 1, thị trấn 2, huyện 3, tỉnh Bạc Liêu; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Q2 tịch: Việt Nam; Con ông Lâm Văn H (chết) và bà Võ Thị T; Có vợ Trần Thị T; Có 03 người con (Lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2015); Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Nhân thân: Ngày 08/11/2019 bị Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000đ về hành vi Đánh bạc, nộp phạt ngày 20/11/2019; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 18/01/2019 cho đến ngày 01/02/2019; Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

9. Lê Hồng L, sinh năm: 1977; Tên gọi khác: Ninh; Nơi sinh: Tỉnh Hậu Giang; Nơi thường trú: Ấp 7, xã Long Trị A, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Q2 tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn L (chết) và bà Hồ Thị D; Có vợ Phan Ngọc D; Có 02 người con (Lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2006); Tiền sự: Vào ngày 20/12/2016 bị Công an thị xã 3, tỉnh Hậu Giang xử phạt số tiền 1.500.000 đồng theo Quyết định xử phạt số 27/QĐ-XPHC, bị cáo đã nộp 100.000 đồng vào ngày 04/6/2018; Tiền án: Không; Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

10. Đinh Văn H, sinh năm: 1983; Tên gọi khác: Không có; Nơi sinh: Tỉnh Hậu Giang; Nơi thường trú: ấp 1, xã 2, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Q2 tịch: Việt Nam; Con ông Đinh Công P (chết) và bà Trịnh Thị H (chết); Có vợ Nguyễn Thị Diễm C; Có 02 người con (Lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2011); Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 18/01/2019 cho đến ngày 01/02/2019; Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

11. Trần Văn T3, sinh năm: 1976; Tên gọi khác: T3 Đ, B; Nơi sinh: Tỉnh Hậu Giang; Nơi thường trú: Khu vực 1, phường 2, thị xã 3, tỉnh Hậu Giang; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Q2 tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn B (chết) và bà Nguyễn Hồng H; Có vợ Trần Thu N; Có 02 người con (Lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2017); Tiền

sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 20/3/2019 cho đến ngày 03/7/2019; Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

12. Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm: 1979; Tên gọi khác: Không có; Nơi sinh: Tỉnh Hậu Giang; Nơi thường trú: Ấp 1, xã 2, thị xã 3, tỉnh Hậu Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Q2 tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Ngọc B và bà Nguyễn Thị T; Có vợ Bùi Thị N; Có 02 người con (Lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2008); Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

13. Đào Hữu L1, sinh năm: 1983; Tên gọi khác: Long; Nơi sinh: Tỉnh Vĩnh Long; Nơi thường trú: Khu vực 1, phường 2, thị xã 3, tỉnh Hậu Giang; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Q2 tịch: Việt Nam; Con ông Đào Hữu P và bà Nguyễn Thị Thanh M; Có vợ Quách Kim T; Có 02 người con (Lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2014); Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Nhân thân: Vào ngày 26/11/2012 bị Tòa án nhân dân huyện 3, tỉnh Hậu Giang xử phạt 10.000.000 đồng về tội Đánh bạc. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 20/3/2019 cho đến ngày 17/5/2019; Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

14. Võ Kiến Q2, sinh năm: 1977; Tên gọi khác: Không có; Nơi sinh: Tỉnh Hậu Giang; Nơi thường trú: Khu vực 1, phường 2, thị xã 3, tỉnh Hậu Giang; Nghề nghiệp: Chạy xe ôm; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Q2 tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn M (chết) và bà Dương Thị L; Có vợ Trần Thị Khánh D; Có 01 người con sinh năm 2006; Tiền sự: Ngày 10/01/2016 bị Công an thị xã 3, tỉnh Hậu Giang xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc theo Quyết định xử phạt số 18/QĐ-XPHC, chưa nộp phạt; Tiền án: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 20/3/2019 đến ngày 28/6/2019; Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

15. Phạm Hồng T1, sinh năm: 1990; Tên gọi khác: An; Nơi sinh: Tỉnh Hậu Giang; Nơi thường trú: Ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Q2 tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn L và bà Nguyễn Thị C; Bị cáo chưa có vợ và chưa có con; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; bị cáo tại ngoại. Có mặt.

16. Võ Hải T3, sinh năm: 1979; Tên gọi khác: Chiêu; Nơi sinh: Tỉnh Sóc Trăng; Nơi thường trú: Khóm 1, phường 2, thị xã 3, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Q2 tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn L và bà Lâm Thị H; Có vợ Nguyễn Thị Thu H; Có 03 người con (Lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2016); Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

17. Nguyễn Thành C, sinh năm: 1971; Tên gọi khác: Không có; Nơi sinh: Tỉnh Bạc Liêu; Nơi thường trú: Ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Bạc Liêu; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Q2 tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị H; Có vợ Bùi Kim H; Có 02 người con (Lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2003); Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị tạm giữ từ 19/11/2019 đến ngày 22/11/2019 chuyển tạm giam cho đến nay. Có mặt.

18. Huỳnh Văn T4, sinh năm: 1982; Tên gọi khác: T4; Nơi sinh: Tỉnh Hậu Giang; Nơi thường trú: Khu vực 1, phường 2, thị xã 3, tỉnh Hậu Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Q2 tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Văn Q1 và bà Phùng Thị N; Có vợ Nguyễn Thị Cẩm T; Có 01 người con sinh năm 2013; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo bị bắt theo lệnh truy nã, tạm giữ ngày 10/7/2019 đến ngày 13/7/2019 chuyển tạm giam cho đến nay. Có mặt.

19. Bùi Văn K2, sinh năm: 1977; Tên gọi khác: T S B; Nơi sinh: Tỉnh Hậu Giang; Nơi thường trú: Ấp 1, xã 2, thị xã 3, tỉnh Hậu Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Q2 tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn B và bà Nguyễn Thị C; Có vợ Hồ Thị Mộng K; Có 02 người con (Lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2013); Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

20. Phan Văn L2, sinh năm: 1979; Tên gọi khác: Lặt; Nơi sinh: Tỉnh Hậu Giang; Nơi thường trú: Ấp 1, xã 2, thị xã 3, tỉnh Hậu Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Q2 tịch: Việt Nam; Con ông Phan Văn T và bà Ngô Thị Đ; Có vợ Võ Thị N; Có 02 người con (Lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2004); Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

21. Ngô Phú K2, sinh năm: 1988; Tên gọi khác: Không có; Nơi sinh: Tỉnh Hậu Giang; Nơi thường trú: Ấp 1, xã 2, thị xã 3, tỉnh Hậu Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Q2 tịch: Việt Nam; Con ông Ngô Văn Đ và bà Hồ Ngọc A; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

22. Phạm Hồng T5, sinh năm: 1975; Tên gọi khác: Không có; Nơi sinh: Tỉnh Hậu Giang; Nơi thường trú: Khu vực 1, phường 2, thị xã 3, tỉnh Hậu Giang; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Q2 tịch: Việt Nam; Con ông Trần Quốc V (khai tại phiên tòa) và bà Trần Thị X; Có vợ Trần Thị Thùy L; Có 01 người con sinh năm 2011; Có 01

tiền sự: Vào ngày 20/11/2017 bị Công an tỉnh Hậu Giang xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi Đánh bạc theo Quyết định số 78/QĐ-XPHC, bị cáo nộp phạt ngày 13/12/2017; Tiền án: Không; Nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 29/2009/HSST ngày 04/9/2009 của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xử phạt bị cáo 12 tháng tù cho hưởng án treo về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có; Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có 17 bị cáo khác và những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo và không bị kháng nghị nên tại phiên tòa phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 14 giờ 20 phút ngày 03/10/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Hậu Giang kết hợp với Công an thành phố 3, tỉnh Hậu Giang tiến hành kiểm tra, bắt quả tang các đối tượng đang thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức đá gà ăn thua bằng tiền tại sân gà thuộc ấp 1, xã 2, thị xã 3, tỉnh Hậu Giang. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hậu Giang tiến hành tạm giữ các đối tượng gồm: Phạm Q2 K, Nguyễn Ngọc T6, Lâm Văn T, Nguyễn Văn L3, Nguyễn Duy P, Bùi Văn H1, Huỳnh Mộng T2, Nguyễn Quốc K3, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Chí S, Lý Văn H2, Lư Thanh N2, Võ Thị Bé T7, Nguyễn Hoàng B1, Lê Văn N1 và Phạm Hồng T1 và đã thu giữ nhiều tang vật.

Qua quá trình điều tra xác định được Huỳnh Trung K cùng với Nguyễn Văn N (N M), Nguyễn Thanh Q, Lê Văn T8, Phạm Quốc K, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Ngọc T9, Lê Văn N1 tổ chức cho các con bạc tham gia đánh bạc bằng hình thức đá gà ăn thua bằng tiền. Trong đó bị cáo K có nhiệm vụ sắp xếp sân đá, phương tiện để đưa rước người chơi vào sân gà và làm trọng tài trong sân; Q có nhiệm vụ sắp xếp sân, phương tiện đưa rước người chơi, thu tiền xâu và tiền đá biện, các chủ gà thua cược phải trả cho Q 200.000 đồng/trận, khi thắng cược thì Q thu tiền với tỷ lệ 40.000 đồng/1.000.000 đồng tiền thắng cược; T8 (L) có nhiệm vụ ghi sổ theo dõi, với cách ghi như sau: gà quán băng keo ở chân màu đỏ sẽ ghi vào sổ Đỏ, gà tham gia quán băng keo màu xanh sẽ ghi vào sổ Xanh. Số tiền thấp nhất của mỗi con bạc tham gia được T8 ghi vào sổ là 1.000.000 đồng, cao nhất là 42.000.000 đồng/trận, tỷ lệ cá cược ăn thua gồm các hình thức: được 5 thua 10, được 6 thua 10, được 7 thua 10, được 8 thua 10, được 9 thua 10 và tỷ lệ đá đồng; K có nhiệm vụ hẹn các chủ gà đến sân, đá biện trong sân; T cung cấp băng keo và cựa sắt; Thuận có nhiệm vụ cảnh giới để tránh bị phát hiện và N1 chạy đà, giữ xe cho những người chơi.

Đến khi bị bắt quả tang các đối tượng đã tổ chức được 04 trận. Số tiền thu được sau mỗi ngày tổ chức thì Nguyễn Thanh T, Nguyễn Ngọc T9 mỗi đối tượng được trả từ 100.000 đồng- 200.000 đồng/01 ngày, tùy theo ngày tổ chức thu lợi ít hay nhiều. Phần tiền còn lại được chia theo tỷ lệ: K 25%, Q 25%, N 15%, K 15%, bị cáo Tính 15% và 5% còn lại là chi phí phục vụ việc tổ chức đá gà.

Đối với những người tham gia đánh bạc quá trình điều tra xác định được là khi tham gia đánh bạc thì chỉ thông qua những người tổ chức đánh bạc để theo dõi số tiền tham gia đánh bạc, theo bên gà nào và đá với tỷ lệ ăn thua là bao nhiêu. Khi có kết quả ăn thua thì cũng thông qua người tổ chức đánh bạc để giao nhận số tiền ăn thua.

Tính đến thời điểm bị bắt quả tang đã tổ chức chơi 04 trận đá gà. Trong đó trận thứ 4 đang diễn ra thì bị bắt quả tang nên chưa phân định thắng thua, với tổng số tiền là 308.000.000 đồng (*Ba trăm lẻ tám triệu đồng*), cụ thể:

- Trận thứ nhất: Gà Chuối đá với Gà Điều đỏ. Tổng cộng có 17 người chơi. Kết quả gà chuối (thắng cược. Tổng cộng số tiền cược trận này là 66.000.000 đồng (*Sáu mươi sáu triệu đồng*), tính theo cách chấp số tiền được thua (tỷ lệ hạ bạc) là 52.200.000 đồng.

- Trận thứ hai: Gà Tre Màu Trắng Vàng đá với Gà Tre Màu Trắng. Tổng cộng có 19 người chơi. Kết quả Gà Tre Màu Trắng thắng cược. Tổng cộng số tiền cược trận này là 66.000.000 đồng, tính theo tỷ lệ hạ bạc là 60.200.000 đồng.

- Trận thứ ba: Gà Điều đá với Gà Chuối. Tổng cộng có 24 người chơi. Kết quả Gà Chuối thắng cược. Tổng cộng số tiền cược trận này là 72.000.000 đồng, tính theo tỷ lệ hạ bạc là 71.000.000 đồng.

- Trận thứ tư: Gà Điều đá với Gà Cú. Tổng cộng có 19 người chơi. Trận này đang diễn ra thì bị bắt quả tang, tổng cộng số tiền cược trận này là 104.000.000 đồng, tính theo tỷ lệ hạ bạc là 102.000.000 đồng.

Qua quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hậu Giang đã chứng minh hành vi cụ thể của từng bị cáo tham gia Tổ chức đánh bạc và Đánh bạc như sau:

1/ Nguyễn Văn N là người chủ mưu, chỉ huy, tạo điều kiện vật chất, tinh thần cho các đồng phạm Tổ chức đánh bạc thông qua điện thoại di động bị cáo đã liên lạc với Huỳnh Trung K, Nguyễn Thanh Q và Phạm Q2 K để trao đổi, chỉ đạo việc Tổ chức đánh bạc với số tiền dùng để đánh bạc của những người tham gia đánh bạc được ghi trên 04 trang giấy tập học sinh là 308.000.000 đồng, tính theo tỷ lệ hạ bạc là 285.400.000 đồng và thu lợi bất chính ngày 03/10/2018 là 6.960.000 đồng.

2/ Huỳnh Trung K tổ chức, sắp xếp chuẩn bị sân bãi, phương tiện phục vụ cho việc tổ chức đánh bạc, liên hệ, hẹn các chủ gà, thông báo địa điểm để các đối

tượng tham gia tổ chức đánh bạc, các con bạc đến tham gia cược. Tại sân gà, bị cáo K có nhiệm vụ làm trọng tài, K là người thực hành tích cực trong tổ chức đánh bạc bằng hình thức đá gà được thua bằng tiền với số tiền 308.000.000 đồng nhằm thu lợi bất chính với số tiền 6.960.000 đồng.

Ngoài ra, vào ngày 03/10/2018, K tham gia đặt cược ở 02 trận thứ nhất và thứ hai.

Khi lực lượng Công an tiến hành bắt quả tang sân gà, K chạy thoát. Sau khi gây án, K đã bỏ trốn khỏi địa phương, đến ngày 08/8/2019 ra đầu thú.

3/ Nguyễn Thanh Q được bị cáo Nguyễn Văn N nhận vào tổ chức đánh bạc và được giao cho nhiệm vụ tổ chức, sắp xếp, chuẩn bị sân bãi, phương tiện, hẹn các chủ gà, các con bạc thời gian, địa điểm, phục vụ việc tổ chức đá gà. Tại sân gà, bị cáo Q có nhiệm vụ thu tiền xâu, tiền đá biệh của các con bạc. Ngoài ra, ngày 03/10/2018, Q tham gia cược 01 trận ở trận thứ hai. Khi lực lượng Công an bắt quả tang, Q chạy thoát đến ngày 26/10/2018 Q đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hậu Giang đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và các đồng phạm khác trong vụ án.

4/ Lê Văn T8 được bị cáo N trực tiếp thu nhận và tổ chức đánh bạc và được phân công ghi sổ theo dõi việc đá gà trong sân. Ngoài ra, ngày 03/10/2018, T8 tham gia đặt cược ở trận thứ ba.

5/ Phạm Quốc K được bị cáo Nguyễn Văn N nhận vào tổ chức đánh bạc và được phân công nhiệm vụ đá biệh trong sân gà, hẹn các chủ gà phục vụ việc tổ chức đánh bạc.

6/ Nguyễn Thanh T được bị cáo Nguyễn Văn N thu nhận vào tổ chức đánh bạc và được phân công nhiệm vụ đưa cựa sắt và băng keo cho các chủ gà phục vụ cho việc tổ chức đánh bạc tại sân gà. Ngày 03/10/2018, T tham gia cược ở trận thứ ba.

7/ Nguyễn Ngọc T9, được bị cáo Nguyễn Văn N trực tiếp nhận vào và được phân công nhiệm vụ cảnh giới cho sân gà tránh sự phát hiện của lực lượng Công an, hướng dẫn cho những đối tượng tham gia đánh bạc đường vào trong sân gà.

8/ Lê Văn N1, được tham gia vào tổ chức đánh bạc với nhiệm vụ điều khiển phương tiện là chiếc vỏ máy phục vụ đưa rước các đối tượng tổ chức đánh bạc và các đối tượng đánh bạc vào trong sân gà để tham gia đánh bạc. Mỗi lượt đưa, rước vào ra sân gà là 20.000 đồng/người.

9/ Nguyễn Duy P, tham gia cả 04 trận với tổng số tiền đặt cược là 65.000.000 đồng, mỗi trận cược số tiền từ 5.000.000 đồng đến 42.000.000 đồng.

10/ Lâm Văn T, tham gia cược 04 trận với tổng số tiền đặt cược là: 33.000.000 đồng, mỗi trận cược từ 5.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng.

11/ Lê Hồng L, tham gia 04 trận với tổng số tiền đặt cược là 12.000.000 đồng, mỗi trận cược từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Khi trận này đang diễn ra chưa phân định thắng thua thì bị bắt quả tang, L chạy thoát

12/ Đinh Văn H, tham gia 04 trận với tổng số tiền cược là 6.000.000 đồng, mỗi trận cược từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Khi trận này đang diễn ra chưa phân định thắng thua thì bị bắt quả tang, H chạy thoát.

13. Võ Thanh P2, tham gia 03 trận với tổng số tiền đặt cược là 18.000.000 đồng, mỗi trận cược từ 3.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng. Khi trận gà này đang diễn ra chưa phân định thắng thua thì lực lượng Công an tiến hành bắt quả tang sân gà. Bị cáo P2 chạy thoát.

14/ Lê Chí D1, tham gia cược 03 trận với tổng số tiền cược là 14.000.000 đồng, mỗi trận cược số tiền từ 3.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng. Khi trận gà này đang diễn ra, chưa phân định thắng thua thì bị lực lượng Công an tiến hành bắt quả tang, bị cáo D1 chạy thoát.

15/ Trần Văn T3, tham gia đặt cược 03 trận với số tiền 9.000.000 đồng, mỗi trận cược từ 2.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng. Khi trận gà đang diễn ra chưa phân định thắng thua thì bị lực lượng Công an bắt quả tang, T3 chạy thoát.

16/ Nguyễn Ngọc Đ, tham gia cược 03 trận với tổng số tiền cược là 5.000.000 đồng, mỗi trận cược từ 1.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng.

17/ Phạm Văn P, tham gia cược 02 trận với tổng số tiền cược là 18.000.000 đồng, mỗi trận cược từ 5.000.000 đồng đến 13.000.000 đồng.

18/ Đào Hữu L1, tham gia cược 02 trận với số tiền 15.000.000 đồng, trận thứ ba cược 5.000.000 đồng, trận thứ tư cược 10.000.000 đồng, khi trận gà đang diễn ra chưa phân định thắng thua thì bị lực lượng Công an bắt quả tang, L1 chạy thoát.

19/ Võ Kiên Q2, tham gia cược 02 trận với số tiền 12.000.000 đồng, mỗi trận cược từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng. Khi trận thứ tư đang diễn ra thì bị lực lượng Công an bắt quả tang, Q2 chạy thoát.

20/ Phạm Hồng T1, tham gia 02 trận với tổng số tiền tham gia đánh bạc là 10.000.000 đồng, mỗi trận cược từ 3.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

21/ Võ Hải T3, tham gia cược 02 trận với tổng số tiền cược là 8.000.000, mỗi trận cược từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

22/ Trần Văn N, tham gia cược 02 trận với tổng số tiền là 7.000.000 đồng, mỗi trận cược từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

23/ Lê Phú B, tham gia cược 02 trận trong tổng số tiền cược là 7.000.000 đồng, mỗi trận cược từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Khi trận gà đang diễn ra thì bị lực lượng Công an bắt quả tang, B chạy thoát.

24/ Nguyễn Thành C, tham gia cược ở 02 trận gà với tổng số tiền 7.000.000 đồng, mỗi trận cược từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Khi trận thứ tư đang diễn ra thì bị lực lượng Công an bắt quả tang, bị cáo C chạy thoát.

Quá trình điều tra, xác minh, bị cáo C không thừa nhận hành vi đánh bạc của mình, cố tình né tránh, không hợp tác làm việc với Cơ quan điều tra. Khi Cơ quan CSĐT triệu tập, C không có mặt đồng thời bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 07/5/2019 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hậu Giang tiến hành ra Quyết định truy nã, đến ngày 19/11/2019 bị cáo ra đầu thú.

25/ Huỳnh Văn T4, tham gia cược 02 trận gà với tổng số tiền cược 6.000.000 đồng, mỗi trận cược từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Kết quả trận thứ tư chưa phân định thắng thua thì bị lực lượng Công an bắt quả tang, T4 chạy thoát.

26/ Bùi Văn K2, tham gia cược 02 trận với tổng số tiền là 6.000.000 đồng, mỗi trận cược từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

28/ Nguyễn Chí S1, tham gia cược 02 trận với tổng số tiền cược 4.000.000 đồng, mỗi trận cược 2.000.000 đồng.

29/ Trương Minh H2, tham gia cược 02 trận với số tiền 4.000.000 đồng, mỗi trận cược từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

30/ Phan Văn L2, tham gia cược 02 trận với tổng số tiền cược là 3.000.000 đồng, trận thứ ba cược 2.000.000 đồng. Trận thứ tư cược 1.000.000 đồng. Khi trận gà đang diễn ra chưa phân định thắng thua thì lực lượng Công an tiến hành bắt quả tang, L2 chạy thoát.

31/ Ngô Phú K2, tham gia cược 02 trận với số tiền 2.000.000 đồng, trận thứ ba cược 1.000.000 đồng. Trận thứ tư cược 1.000.000 đồng. Khi trận gà đang diễn ra chưa phân định thắng thua thì lực lượng Công an tiến hành bắt quả tang, K2 chạy thoát.

32/ Lư Thanh N3, tham gia cược 01 trận thứ hai với số tiền 3.800.000 đồng, Nhân chia lại 200.000 đồng cho Huỳnh Mộng T2. Kết quả trận này, N3 thua cược 3.400.000 đồng.

33/ Lê Văn Đ2, đi bộ đến sân để tham gia cược 01 trận ở trận thứ ba, cược với số tiền 2.000.000 đồng.

34/ Phạm Hồng T5, tham gia cược 2.000.000 đồng.

35/ Thái Thanh H3, tham gia 01 trận ở trận thứ tư, Hậu cược 2.000.000 đồng, khi trận gà đang diễn ra chưa phân định thắng thua thì bị lượng Công an bắt quả tang, H3 chạy thoát.

36/ Nguyễn Văn X1, tham gia 01 trận ở trận thứ ba cược 1.000.000 đồng. Quá trình điều tra, xác minh còn chứng minh được X1 còn mang theo số tiền 760.000 đồng để đánh bạc.

37/ Lưu Thành B4, tham gia 01 trận ở trận thứ ba, cược số tiền 1.000.000 đồng.

38/ Huỳnh Mộng T2, tham gia trận thứ hai với số tiền là 200.000 đồng.

39/ Nguyễn Quốc K3, tham gia 01 trận ở trận thứ ba, cược đá hàng sáo 200.000 đồng. Khi bị bắt quả tang Công an đã tạm giữ của K3 số tiền 100.000 đồng mang theo để đá gà; tự nguyện giao nộp số tiền 200.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2020/HS-ST, ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã 3, tỉnh Hậu Giang quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn N, Phạm Q2 K, Nguyễn Ngọc T9 và Lê Văn N1 phạm “**Tội tổ chức đánh bạc**”.

Huỳnh Trung K, Lê Văn Tính, Nguyễn Thanh Q và Nguyễn Thanh T phạm “**Tội đánh bạc**” và “**Tội tổ chức đánh bạc**”.

Nguyễn Duy P, Lâm Văn T, Lê Hồng L, Đinh Văn H, Võ Thanh Phong, Lê Chí Dũng, Trần Văn T3, Nguyễn Ngọc Đ, Phạm Văn P, Đào Hữu L1, Võ Kiên Q2, Phạm Hồng T1, Võ Hải T3, Trần Văn Nhả, Lê Phú Bắc, Nguyễn Thành C, Huỳnh Văn T4, Bùi Văn K2, Dương Chí Bình, Nguyễn Chí Sơn, Trương Minh Hưởng, Phan Văn L2, Ngô Phú K2, Lư Thanh Nhân, Lê Văn Đáp, Phạm Hồng T5, Thái Thanh Hậu, Nguyễn Văn Xuân, Lưu Thành Bằng, Huỳnh Mộng T2, Nguyễn Q Khanh phạm “**Tội đánh bạc**”.

Về hình phạt:

[1.1]. Đối với bị cáo Huỳnh Trung K:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321 và các điểm a, c, d, đ khoản 1 Điều 322; các Điều 17, 38, 58; điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội Tổ chức đánh bạc, 03 (Ba) năm tù về tội Đánh bạc.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt đối với hai tội trên là: 06 (Sáu) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 08/8/2019.

Áp dụng khoản 3 Điều 322 Bộ luật Hình sự 2015: phạt bổ sung bị cáo 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

[1.2]. Đối với bị cáo Nguyễn Văn N:

Áp dụng điểm a, c, d khoản 1, 3 Điều 322; các Điều 17, 38, 58; khoản 2, Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo 03 (Ba) năm tù về tội Tổ chức đánh bạc. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 09/01/2020. Bị cáo được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam trước.

Xử phạt bổ sung 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

[1.3]. Đối với bị cáo Nguyễn Thanh Q:

Áp dụng các điểm a, c, d khoản 1 Điều 322; các Điều 17, 38, 58, 54; điểm s, t khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với tội Tổ chức đánh bạc.

Xử phạt bị cáo mức án 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; các Điều 17, 35, 58; điểm s, t khoản 1, khoản 2, Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với tội Đánh bạc.

Xử phạt bị cáo 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

[1.4]. Đối với bị cáo Nguyễn Thanh T:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; các điểm a, c, d khoản 1 Điều 322; các Điều 17, 38, 58; điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo 03 (Ba) năm tù giam về tội Đánh bạc.

Xử phạt bị cáo 01 (Một) năm tù giam về tội Tổ chức đánh bạc.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự 2015 tổng hợp hình phạt đối với hai tội trên là: từ 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 11/02/2020. Bị cáo được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam trước.

[1.5]. Đối với bị cáo Phạm Q2 K:

Áp dụng các điểm a, c, d khoản 1, khoản 3 Điều 322; các Điều 17, 38, 58; điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo 01 (Một) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Bị cáo được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam trước.

Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

[1.6]. Đối với bị cáo Lê Văn N1:

Áp dụng các điểm a, c, d khoản 1 Điều 322; các Điều 17, 38, 58; điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo 01 (Một) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

[1.7]. Đối với bị cáo Nguyễn Duy P:

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; các Điều 17, 38, 58; điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Bị cáo được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam trước.

Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

[1.8]. Đối với bị cáo Lâm Văn T:

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; các Điều 17, 38, 58; điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo 04 (Bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Bị cáo được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam trước ngày.

Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

[1.9]. Đối với bị cáo Bị cáo Lê Hồng L:

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; các Điều 17, 38, 58; điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

[1.10]. Đối với bị cáo Đinh Văn H:

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; các Điều 17, 38, 58; điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt 03 (Ba) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Bị cáo được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam trước.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

[1.11]. Đối với bị cáo Trần Văn T3:

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; các Điều 17, 38, 58; điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt 03 (Ba) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Bị cáo được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam trước.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

[1.12]. Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc Đ:

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; các Điều 17, 38, 58; điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt 03 (Ba) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

[1.13]. Đối với bị cáo Đào Hữu L1:

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt 03 (Ba) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Bị cáo được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam trước.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

[1.14]. Đối với bị cáo Võ Kiến Q2:

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17; 38, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt từ 03 năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Bị cáo được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam trước.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

[1.15]. Đối với bị cáo Phạm Hồng T1:

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; các Điều 17, 38, 58; điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt từ 03 năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

[1.16]. Đối với bị cáo Võ Hải T3:

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17; 38, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt 03 (Ba) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

[1.17]. Đối với bị cáo Nguyễn Thành C:

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17; 38, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 19/11/2019.

Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

[1.18]. Đối với bị cáo Huỳnh Văn T4:

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17; 38, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) .

Xử phạt bị cáo 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 10/7/2019.

Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

[1.19]. Đối với bị cáo Bùi Văn K2:

- Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17; 38, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017)

Xử phạt 03 (Ba) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

[1.20]. Đối với bị cáo Phan Văn L2:

- Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17; 38, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt 03 (Ba) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

[1.21]. Đối với bị cáo Ngô Phú K2:

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17; 38, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt 03 (Ba) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

[1.22]. Đối với bị cáo **Phạm Hồng T5:**

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 58, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt 03 (Ba) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về hình phạt đối với 17 bị cáo khác; xử lý vật chứng; án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Các bị cáo Phạm Hồng T5, Bùi Văn K2, Phan Văn L2, Nguyễn Ngọc Đ, Võ Hải T3, Lê Văn N1, Lâm Văn T, Huỳnh Trung K, Huỳnh Văn T4, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thành C, Phạm Hồng T1, Lê Hồng L có đơn kháng cáo yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt.

Các bị cáo Đinh Văn H, Ngô Phú K2, Nguyễn Văn N, Phạm Q2 K có đơn kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Các bị cáo Đào Hữu L1, Trần Văn T3, Võ Kiến Q2 có đơn kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo.

Các bị cáo Nguyễn Thanh Q, Nguyễn Duy P có đơn kháng cáo yêu cầu được chuyển sang áp dụng hình phạt tiền.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Đinh Văn H, Phạm Hồng T5, Phạm Q2 K, Lê Văn N1, Ngô Phú K2, Bùi Văn K2, Nguyễn Ngọc Đ, Lâm Văn T, Lê Hồng L, Phan Văn L2, Trần Văn T3, Đào Hữu L1, Phạm Hồng T1, Nguyễn Thanh T xin chuyển sang hình phạt tiền. Các bị cáo khác giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với từng bị cáo về từng tội danh là phù hợp. Tại phiên tòa các bị cáo cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới đề nghị Hội đồng xét xử xem xét như sau:

Giảm nhẹ hình phạt tù cho các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Duy P, Lâm Văn T, Đào Hữu L1, Phan Văn L2, Lê Hồng L, Trần Văn T3, Nguyễn Ngọc Đ, Phạm Hồng T1, Nguyễn Thành C, Huỳnh Văn T4, Bùi Văn K2.

Chuyển sang hình phạt tiền đối với các bị cáo Nguyễn Thanh Q, Phạm Hồng T5, Đinh Văn H, Ngô Phú K2, Lê Văn N1. Đối với bị cáo Nguyễn Thanh T đề nghị chuyển sang hình phạt tiền đối với tội “Tổ chức đánh bạc”, giữ nguyên hình phạt tù về tội “Đánh bạc”.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Huỳnh Trung K, Phạm Q2 K, Võ Kiến Q2, Võ Hải T3.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo Huỳnh Trung K và 21 bị cáo khác có đơn kháng cáo đúng theo quy định tại Điều 331, Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên chấp nhận xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội theo như nội dung cáo trạng và bản án sơ thẩm. Đối chiếu lời khai của các bị cáo và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Vào ngày 03/10/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hậu Giang kết hợp với Công an thành phố 3 kiểm tra bắt quả tang tụ điểm tổ chức đánh bạc do các bị cáo Nguyễn Văn N, Huỳnh Trung K, Nguyễn Thanh Q, Nguyễn Thanh T, Phạm Q2 K, Nguyễn Ngọc T9, Lê Văn N1 dưới hình thức đá gà ăn thua bằng tiền. Giữa các bị cáo có phân chia nhiệm vụ cụ thể cho từng người để phục vụ cho tụ điểm tổ chức đánh bạc và tỷ lệ ăn chia lợi nhuận sau mỗi ngày tổ chức. Trong ngày bị bắt quả tang các bị cáo đã tổ chức 04 trận đá gà, mỗi trận đều có trên 10 người tham gia, với tổng số tiền dùng đánh bạc mỗi trận từ 66.000.000 đồng đến 104.000.000 đồng. Mặt khác, ngoài việc tổ chức đánh bạc thì các bị cáo Huỳnh Trung K, Lê Văn T8, Nguyễn Thanh Q và Nguyễn Thanh T còn trực tiếp tham gia đánh bạc ăn thua bằng tiền. Do đó, cấp sơ thẩm truy tố, xét xử các bị cáo Nguyễn Văn N, Phạm Q2 K, Nguyễn Ngọc T9 và Lê Văn N1 về tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm a, c, d khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo Lê Văn T8, Nguyễn Thanh Q, Nguyễn Thanh T về tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm a, c, d khoản 1 Điều 322 và tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Huỳnh Trung K về tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm a, c, d, đ khoản 1 Điều 322 và tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Đối với các bị cáo Nguyễn Duy P, Lâm Văn T, Lê Hồng L, Đinh Văn H, Võ Thanh P2, Lê Chí D1, Trần Văn T3, Nguyễn Ngọc Đ, Phạm Văn P, Đào Hữu L1, Võ Kiến Q2, Phạm Hồng T1, Võ Hải T3, Trần Văn N, Lê Phú B1,

Nguyễn Thành C, Huỳnh Văn T4, Bùi Văn K2, Dương Chí B2, Nguyễn Chí S1, Trương Minh H1, Phan Văn L2, Ngô Phú K2, Lư Thanh N3, Lê Văn Đ2, Phạm Hồng T5, Thái Thanh H3, Nguyễn Văn X1, Lưu Thành B2, Huỳnh Mộng T2, Nguyễn Quốc K2 đã tham gia cá cược ăn thua bằng tiền. Do đó, cấp sơ thẩm truy tố, xét xử các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3.1] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo có mức độ nên cấp sơ thẩm không cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo, nhìn nhận hành vi phạm tội của mình và tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo có người thân là người có công cách mạng, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã nộp toàn bộ tiền phạt bổ sung nên Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt tù cho bị cáo.

[3.2] Xét kháng cáo của bị cáo Huỳnh Trung K, Hội đồng xét xử xét thấy: Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định mức hình phạt đối với từng tội danh của bị cáo là phù hợp. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên Hội đồng xét xử không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3.3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh Q Hội đồng xét xử xét thấy: Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định mức hình phạt đối với bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cho rằng có cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới là điểm t khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nhưng các tình tiết này cấp sơ thẩm đã cho bị cáo được hưởng, bị cáo đã nộp một phần tiền phạt bổ sung, tiền dùng vào việc phạm tội, tiền thu lợi bất chính nhưng xét thấy mức án mà cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo là không nặng, hoàn toàn tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Bản thân bị cáo nhận thức được việc tổ chức đánh bạc và đánh bạc là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì mục đích tư lợi cá nhân mà bị cáo vẫn cố ý thực hiện nên cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và cũng nhằm để răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[3.4] Xét kháng cáo của bị cáo Phạm Q2 K, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có cung cấp tài liệu chứng minh bị cáo giúp chính quyền địa phương phát hiện tội phạm và được địa phương xác nhận, đây là tình tiết quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và bị cáo đóng phạt số tiền 20.000.000 đồng, đây là nghĩa vụ của bị cáo nhưng qua đó cũng thể hiện sự ăn năn, hối cải của bị cáo nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự, giảm nhẹ cho bị cáo phần nào nhằm thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[3.5] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh T, Hội đồng xét xử xét thấy: Mức hình phạt mà cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Đánh bạc” là phù hợp, đối với tội “Tổ chức đánh bạc” bị cáo phạm tội với vai trò giúp sức không đáng kể, mức hình phạt đối với bị cáo có phần nghiêm khắc nên Hội đồng xét xử phạt tiền bị cáo đối với tội “Tổ chức đánh bạc” với số tiền 50.000.000 đồng mà không cần phạt tù đối với bị cáo về tội này.

[3.6] Xét kháng cáo của bị cáo Võ Hải T3, Võ Kiến Q2 và Huỳnh Văn T4, Hội đồng xét xử xét thấy: Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định mức hình phạt đối với từng bị cáo. Bị cáo Huỳnh Văn T4 còn bị bắt theo lệnh truy nã. Mặc dù, tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Võ Kiến Q2, Huỳnh Văn T4 có cung cấp tài liệu chứng minh các bị cáo đã nộp một phần tiền phạt bổ sung, tiền dùng vào việc phạm tội, tiền thu lợi bất chính nhưng xét thấy mức án mà cấp sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo là không nặng, hoàn toàn tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Bản thân các bị cáo nhận thức được việc đánh bạc là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì mục đích tư lợi cá nhân mà các bị cáo vẫn cố ý thực hiện nên cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo và cũng nhằm để răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[3.6] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Duy P, Lâm Văn T, Lê Hồng L, Nguyễn Ngọc Đ, Phạm Hồng T1, Nguyễn Thành C, Bùi Văn K2, Phan Văn L2, Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo có cung cấp được xác nhận của chính quyền địa phương trong việc hỗ trợ phát hiện các tụ điểm tệ nạn xã hội; các bị cáo sau khi xét xử sơ thẩm đã tích cực nộp phạt bổ sung theo bản án thể hiện sự ăn năn, hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Mặt khác, xét thấy mức án mà cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo là có phần nghiêm khắc nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt tù cho các bị cáo.

[3.7] Đối với bị cáo Lê Văn N1: Bị cáo phạm tội với vai trò giúp sức không đáng kể, chỉ là người chạy giỡ mà chưa thu lợi, xét mức án đối với bị cáo có phần nghiêm khắc nên chuyển hình phạt tù sang hình phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[3.8] Đối với bị cáo Đinh Văn H, Trần Văn T3, Đào Hữu L1, Ngô Phú K2, Phạm Hồng T5, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo có cung cấp xác nhận của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hậu Giang, chính quyền địa phương xác nhận chứng minh các bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án và xác nhận của chính quyền địa phương trong thời gian sinh sống tại địa phương, các bị cáo tích cực giúp đỡ các cơ quan chức năng phát hiện và điều tra tội phạm, đây là tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Mặt khác, các bị cáo chứng minh các bị cáo có khả năng về kinh tế, vì sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo đã nộp phạt bổ sung, tại địa phương các bị cáo tích cực hỗ trợ chính sách an sinh xã hội với số tiền lớn được chính quyền địa phương xác nhận nên xét thấy không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 54, Điều 35 của Bộ luật Hình sự chuyển sang áp dụng hình phạt tiền cũng đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo, qua đó cũng thể hiện được tính Kn hồng của pháp luật. Về hình phạt bổ sung đối với các bị cáo xét thấy, do các bị cáo đã bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 32 của Bộ luật Hình sự không áp dụng phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đối với các bị cáo N, P, L, Đ, T, T5, H, N1, L2, K2, K2, Lâm Văn T, Phạm Hồng T1; không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đối với các bị cáo Q, T3, L1, T4. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo H, N1, T3, L1, K2, T5. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo N, K, T, P, Lâm Văn T, L, Đ, Phạm Hồng T1, C, K2, L2. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Q, K, T3, T4, Q2.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm: Kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thanh Q, Huỳnh Trung K, Võ Hải T3, Huỳnh Văn T4, Võ Kiến Q2 không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí theo quy định. Các bị cáo khác không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm c, đ khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Văn N1, Trần Văn T3, Đào Hữu L1, Đinh Văn H, Ngô Phú K2, Phạm Hồng T5. Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn N, Phạm Quốc K, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Duy P, Lâm Văn T, Lê Hồng L, Nguyễn Ngọc Đ, Phạm Hồng T1, Nguyễn Thành C, Bùi Văn K2, Phan Văn L2. Sửa bản án sơ thẩm đối với các bị cáo.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Trung K, Nguyễn Thanh Q, Võ Hải T3, Huỳnh Văn T4, Võ Kiến Q2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với các bị cáo.

Tuyên bố:

Các bị cáo Nguyễn Văn N, Phạm Q2 K và Lê Văn N1 phạm tội **“Tổ chức đánh bạc”**.

Các bị cáo Huỳnh Trung K, Nguyễn Thanh Q và Nguyễn Thanh T phạm tội **“Đánh bạc”** và tội **“Tổ chức đánh bạc”**.

Các bị cáo Nguyễn Duy P, Lâm Văn T, Lê Hồng L, Đinh Văn H, Trần Văn T3, Nguyễn Ngọc Đ, Đào Hữu L1, Võ Kiến Q2, Phạm Hồng T1, Võ Hải T3, Nguyễn Thành C, Huỳnh Văn T4, Bùi Văn K2, Phan Văn L2, Ngô Phú K2, Phạm Hồng T5 phạm tội **“Đánh bạc”**.

Về hình phạt:

[1.1]. Đối với bị cáo Huỳnh Trung K:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321 và các điểm a, c, d, đ khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 38, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, 03 (Ba) năm tù về tội “Đánh bạc”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt đối với hai tội trên là: 06 (Sáu) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 08/8/2019.

Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*).

[1.2]. Đối với bị cáo Nguyễn Văn N:

Áp dụng điểm a, c, d khoản 1, 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 38, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo 02 (Hai) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 09/01/2020. Bị cáo được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam trước (từ ngày 19/01/2019 đến ngày 03/7/2019).

Xử phạt bổ sung bị cáo 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*).

(Số tiền 50.000.000đ theo Biên lai thu tiền số 0008704 ngày 24/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã 3 sẽ được giải quyết khi thi hành án).

[1.3]. Đối với bị cáo Nguyễn Thanh Q:

Áp dụng các điểm a, c, d khoản 1 Điều 322; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 38, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321 điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 35, 54, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo 70.000.000đ (*Bảy mươi triệu đồng*).

(Số tiền 1.740.000đ theo Biên lai thu tiền số 0007811 ngày 02/7/2020 và 70.200.000đ theo Biên lai thu tiền số 0007810 ngày 02/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã 3 sẽ được giải quyết khi thi hành án).

[1.4]. Đối với bị cáo Nguyễn Thanh T:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo 03 (Ba) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 11/02/2020. Bị cáo được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam trước (từ ngày 12/11/2018 đến ngày 10/4/2019).

Áp dụng các điểm a, c, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 35, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*).

(Số tiền 200.000đ theo Biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0006558 ngày 06/7/2020 và 500.000đ theo Biên lai thu tiền nộp NSNN số 0000716 ngày 06/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã 3 sẽ được giải quyết khi thi hành án).

[1.5]. Đối với bị cáo Phạm Q2 K:

Áp dụng các điểm a, c, d khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 38, 54, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Bị cáo được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam trước (từ ngày 03/10/2018 đến ngày 01/02/2019).

Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*).

(Số tiền 20.244.000đ theo Biên lai thu tiền số 0007813 ngày 02/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã 3 sẽ được giải quyết khi thi hành án).

[1.6]. Đối với bị cáo Lê Văn N1:

Áp dụng các điểm a, c, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 35, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*).

[1.7]. Đối với bị cáo Nguyễn Duy P:

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 38, 54, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Bị cáo được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam trước (từ ngày 18/01/2019 đến ngày 01/02/2019).

Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*).

(Số tiền 30.000.000đ theo Biên lai thu tiền số 0007894 ngày 07/9/2020 và 15.000.000đ theo Biên lai thu tiền số 0007900 ngày 23/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã 3 sẽ được giải quyết khi thi hành án).

[1.8]. Đối với bị cáo Lâm Văn T:

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 38, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo 03 (Ba) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Bị cáo được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam trước (từ ngày 18/01/2019 đến ngày 01/02/2019).

Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*).

(Số tiền 200.000đ theo Biên lai thu tiền số 0007874 ngày 7/7/2020, và 15.000.000đ theo Biên lai thu tiền số 0008706 ngày 28/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã 3 sẽ được giải quyết khi thi hành án).

[1.9]. Đối với bị cáo Lê Hồng L:

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 38, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo 03 (Ba) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*).

(Số tiền 10.000.000đ theo Biên lai thu tiền số 0007711 ngày 22/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã 3 sẽ được giải quyết khi thi hành án).

[1.10]. Đối với bị cáo **Đinh Văn H:**

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 32, 35, 54, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*).

Không phạt bổ sung bị cáo.

(Số tiền 5.000.000đ theo Biên lai thu tiền số 0007877 ngày 13/7/2020 và 10.000.000đ theo Biên lai thu tiền số 0007710 ngày 21/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã 3 sẽ được giải quyết khi thi hành án).

[1.11]. Đối với bị cáo **Trần Văn T3:**

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 32, 35, 54, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*).

Không phạt bổ sung bị cáo.

(Số tiền 200.000đ theo Biên lai thu tiền số 0007871 ngày 6/7/2020, 6.000.000đ theo Biên lai thu tiền số 0007869 ngày 6/7/2020 và 10.000.000đ theo Biên lai thu tiền số 0008702 ngày 23/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã 3 sẽ được giải quyết khi thi hành án).

[1.12]. Đối với bị cáo **Nguyễn Ngọc Đ:**

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 38, 54, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo 02 (Hai) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*).

[1.13]. Đối với bị cáo **Đào Hữu L1:**

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 32, 35, 54, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*).

Không phạt bổ sung bị cáo.

(Số tiền 200.000đ theo Biên lai thu tiền số 0007872 ngày 6/7/2020, 5.000.000đ theo Biên lai thu tiền số 0007870 ngày 6/7/2020 và 10.000.000đ theo Biên lai thu tiền số 0008701 ngày 23/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã 3 sẽ được giải quyết khi thi hành án).

[1.14]. Đối với bị cáo Võ Kiến Q2:

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17; 38, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo 03 (Ba) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Bị cáo được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam trước (từ ngày 20/3/2019 đến ngày 28/6/2019).

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*).

(Số tiền 8.000.000đ theo Biên lai thu tiền số 0007873 ngày 6/7/2020 và 10.000.000đ theo Biên lai thu tiền số 0008703 ngày 23/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã 3 sẽ được giải quyết khi thi hành án).

[1.15]. Đối với bị cáo Phạm Hồng T1:

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 38, 54, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo 02 (Hai) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*).

(Số tiền 10.000.000đ theo Biên lai thu tiền số 0007822 ngày 28/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã 3 sẽ được giải quyết khi thi hành án).

[1.16]. Đối với bị cáo Võ Hải T3:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17; 38, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo 03 (Ba) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*).

[1.17]. Đối với bị cáo Nguyễn Thành C:

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17; 38, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo 03 (Ba) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 19/11/2019.

Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*).

(Số tiền 15.000.000đ theo Biên lai thu tiền số 0008705 ngày 25/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã 3 sẽ được giải quyết khi thi hành án).

[1.18]. Đối với bị cáo Huỳnh Văn T4:

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17; 38, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) .

Xử phạt bị cáo 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 10/7/2019.

Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*).

(Số tiền 10.000.000đ theo Biên lai thu tiền số 0007712 ngày 25/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã 3 sẽ được giải quyết khi thi hành án).

[1.19]. Đối với bị cáo Bùi Văn K2:

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17; 38, 54, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo 02 (Hai) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*).

[1.20]. Đối với bị cáo Phan Văn L2:

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17; 38, 54, 58 của của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo 02 (Hai) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*).

(Số tiền 10.000.000đ theo Biên lai thu tiền số 0007713 ngày 25/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã 3 sẽ được giải quyết khi thi hành án).

[1.21]. Đối với bị cáo Ngô Phú K2:

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17; 32, 35, 54, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*).

Không phạt bổ sung bị cáo.

(Số tiền 1.200.000đ theo Biên lai thu tiền số 0007878 ngày 13/7/2020 và 10.000.000đ theo Biên lai thu tiền số 0007898 ngày 21/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã 3 sẽ được giải quyết khi thi hành án).

[1.22]. Đối với bị cáo **Phạm Hồng T5:**

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 32, 35, 54, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*).

Không phạt bổ sung bị cáo.

(Số tiền 2.200.000đ theo Biên lai thu tiền số 0007814 ngày 02/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã 3 sẽ được giải quyết khi thi hành án).

Về án phí hình sự phúc thẩm:

Các bị cáo Huỳnh Trung K, Nguyễn Thanh Q , Võ Hải T3, Huỳnh Văn T4, Võ Kiến Q2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

Các bị cáo Lê Văn N1, Trần Văn T3, Đào Hữu L1, Đinh Văn H, Ngô Phú K2, Phạm Hồng T5, Nguyễn Văn N, Phạm Q2 K, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Duy P, Lâm Văn T, Lê Hồng L, Nguyễn Ngọc Đ, Phạm Hồng T1, Nguyễn Thành C, Bùi Văn K2, Phan Văn L2 không ai phải chịu.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Hoàng Khải Hồ Văn Luông

Nguyễn Đình Tiến